GIAI THOẠI LÝ THÚ VỀ MỘT BÀI THƠ BẤT HỦ

Nhân Trừ

Cách đây mấy tháng, có người bạn gửi biếu tờ tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong, số 422 (16-31/8/93), tại mục THƠ trang 65, tôi được đọc hai bản dịch bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc (Ban đêm tại bến Phong Kiều) của nhà thơ Hoàng Hà, dưới hai thể loại, lục bát và thất ngôn. Xin được phép chép ra đây để quí bạn thưởng thức:

Nguyên tác (tác giả Trương Kế):

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang Phong ngư hỏa đối Sầu Miên.
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Bài dịch thứ nhất:

Quạ kêu sương đặc trăng mờ,
Lửa chi hiu hắt trên bờ phong xanh.
Cô Tô ngoài miếu Hàn Sơn,
Chuông khuya như gợi tiếng đàn bùôn vui.

Bài dịch thứ hai:

Trặng lặn quạ kêu trời đầm sương,
Bờ phong hiu hắt lửa chài vương.
Hàn Sơn ngoài đất Cô Tô ấy,
Chuông vọng khuya về buồn khách thương.

Tiếp đến, lại có người bà con gửi cho Tuyển Tập NHớ HUế số 5. Trong bài viết về TCHYA Mai Nguyệt Đái Đức Tuấn của Hương Giang Thái Văn Kiểm, ở trang 14, cũng có đăng hai bản dịch của bài thơ này theo thể lục bát, của Mai Nguyệt:

Bài 1:

Quạ kêu trăng xế sương tuôn,
Lửa chài cây bến đối buồn nằm khan.
Thành Cô Tô, miếu Hàn San,
Nửa đêm chuông vẳng tiếng sang thuyền người.

Bài 2:

Quạ kêu trăng xế trời sương,
Lửa chài cây bến đối buồn Sầu Miên.
Hàn San vẳng tiếng chuông chiền,
Nửa đêm đưa mãi đến thuyền Cô Tô.

Cách đây đã lâu, khoảng cuối thập niên 30 đầu 40, tôi cũng đã được đọc một bản dịch của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Xin chép như sau:

Trăng tà chiếc quạ kêu sương,
Lửa chài cây ánh, sầu vương giấc Hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

Và tôi cũng đã được đọc một bài viết về trường hợp rất hi hữu và kỳ thú khi tác giả Trương Kế sáng tác bài này.

Đời nhà Đường bên Trung Quốc, vào thế kỷ thứ 8, bộ môn thơ đã được phát huy đến cực điểm, nên thường được gọi là thời Thịnh Đường, đã có rất nhiều thi sĩ tên tuổi lưu lại hậu thế như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị,... Không những sĩ tử nho sinh, tao nhân mặc khách làm thơ, mà ngay cả nông công thương, giới nào cũng sính làm thơ.

Vua Tự Đức khi phê phán hai nhà nho Đặng Đức Siêu và Cao Bá Quát cũng như hai ông chú ruột, nhà thơ Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương, đã hạ bút:

Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán,
Thơ đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường.

tuy có phần nào nhiễm tính "tự hào dân tộc" nhưng cũng đã lấy mức là so sánh cao nhất về bộ môn thơ là thời Thịnh Đường.

Vậy thì, một chiều trên đường về, thương nhân Trương Kế - vâng, nhà buôn cũng làm thơ như vừa nói ở trên - cho dừng thuyền nghỉ đêm tại bến Phong Kiều, thành Cô Tô. Cơm nước xong, họ Trương ra ngoài khoang thuyền, vừa hóng gió vừa ngắm cảnh. Hôm ấy vào khoảng mồng ba mồng bốn, trăng thượng huyền đã sớm trếch về hướng Tây. Núi Sầu Miên đứng sừng sững đối diện với bến Giang Phong, bập bùng ánh đuốc của dân chài. Xúc cảnh sinh tình, thương nhân nảy ý làm thơ, và tự xướng lên hai câu:

Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên,
Giang Phong ngư hỏa đối Sầu Miên.

Ngâm nga hai câu thơ vừa sáng tác, tấm tắc tự khen hay, họ Trương suy nghĩ tìm thêm hai câu nữa để kết thúc bài thơ. Nhưng bỗng nhiên tịt ngòi, hết tứ! Nặn óc mãi chẳng kiếm thêm được chữ nào! Bực mình, đến canh ba vẫn chưa kiếm ra được hai câu kết, Trương Kế lòng đầy ẩn ức!

Cũng đêm ấy, trên chùa Hàn San, ở ngoại ô thành Cô Tô, sư cụ đi tản bộ ngoài sân chùa. Trăng thượng huyền hình lưỡi liềm, chưa đủ sáng, nom mờ mờ ảo ảo, đang hướng về Tây, khiến sư cụ cũng nảy hứng làm thơ! Thời Thịnh Đường mà lỵ! Ý tứ nảy ra, sư cụ ngâm liền hai câu:

Sơ tam, sơ tứ, nguyệt mông lung,
Bán tự ngân câu, bán tự cung.

(Mồng ba mồng bốn trăng mờ, nửa như móc bạc, nửa ngờ vành cung)

Thốt nhiên, sư cụ cũng hết tứ! Đi lui đi tới, sư cụ cố tìm ý, để làm tiếp hai câu kết, song bí vẫn hoàn bí! Đã gần nửa đêm, trăng đã lặn, mà sư cụ vẫn còn băn khoăn, trầm ngâm tản bộ, chẳng chịu vào hậu liêu đi ngủ. Chú tiểu hầu, nãy giờ nhận thấy sư cụ có điều gì bất như ý, mới đánh bạo, chắp tay hỏi: "Bạch Thày! Đã khuya, chưa thấy Thày đi ngủ, chắc Thày có điều gì phiền muộn. Thày có thể cho con biết được chăng?"

Sư cụ bèn chậm rãi kể chuyện nảy sinh ý thơ, làm được hai câu hay, song mất tứ, không kết thúc được. Và sư cụ cũng đọc hai câu thơ vừa sáng tác cho chú tiểu nghe. Chắp tay sau lưng, đi tới đi lui một hồi, chú tiểu bạch với sư cụ: "Cho phép con góp với Thày hai câu kết như sau:

Nhất phiến băng hồ phân lưỡng đoạn,
Bán trầm thủy đế, bán phù không.

(hồ xanh chia sẻ đôi vừng, nửa chìm đáy nước, nửa ngưng lưng trời).

Sư cụ đọc lại hai câu chú tiểu vừa nói ra, ngâm nga lại cả bài thơ, và với vẻ mặt rạng rỡ nói: "Phật tổ hộ trì! Con đã giúp ta giải quyết một mối băn khoăn lớn! Hai câu kết con làm hay lắm! Để thưởng cho con, ta cho phép con ra thỉnh một hồi chuông đánh lễ Phật!" Tuân lịnh sư cụ, chú tiểu ra lầu chuông, đánh một hồi vào lúc nửa đêm.

Nhắc lại thương nhân Trương Kế đang mãi trằn trọc dưới thuyền, vì chưa kết thúc được bài thơ để đi ngủ. Đột nhiên nghe từ phía chùa Hàn San tiếng chuông vọng xuống. Vừa nghe xong vài tiếng đầu, họ Trương bỗng vùng dậy, vỗ đùi reo lớn: "Có tứ rồi! Có tứ rồi!" và đọc tiếp hai câu kết:

Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Ngâm nga một hồi, Trương Kế vui vẻ đi ngủ. Sáng ngày, cho sắm sanh hương đăng phẩm vật, lễ mễ mang lên chùa, dâng tạ. Sư cụ mới hỏi lý do, họ Trương kể lể tự sự, nhờ tiếng chuông chùa lúc nửa đêm, đã kết thúc được một bài thơ đắc ý. Nghe xong, sư cụ mới ha hả cười, kể cho Trương Kế nghe câu chuyện làm thơ trục trặc của mình, dẫn đến hồi chuông lúc nửa đêm! Sau mấy tuần trà, ngâm nga xướng vịnh, họ Trương cáo biệt sư cụ, thư thái ra về, nhổ neo xuôi quê. Và bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc đã được truyền tụng khắp nhân gian.

Nov 93